

MỘT SỐ VƯỚNG MẮC TRONG ÁP DỤNG ĐIỀU 136 BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

HOÀNG THỊ OANH¹ - PHẠM THỊ HUYỀN¹

¹Khoa Luật - Trường Đại học Hòa Bình

Faculty of Law, Hoa Binh University

Email: htoanh@daihochoabinh.edu; pthuyen@daihochoabinh.edu

Ngày nhận bài: 1/7/2026

Ngày sửa bài: 14/7/2026

Ngày duyệt đăng bài: 28/7/2026

Tóm tắt:

Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định trách nhiệm hình sự đối với hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội. Tuy nhiên, việc áp dụng điều luật này vẫn còn nhiều vướng mắc do chưa thống nhất trong cách hiểu và vận dụng pháp luật. Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính thông qua phân tích, tổng hợp, so sánh pháp luật và nghiên cứu vụ án điển hình để làm rõ những bất cập trong áp dụng Điều 136. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sự thiếu thống nhất trong việc xác định khái niệm "người phạm tội" và phân biệt phạm vi áp dụng giữa Điều 134 với Điều 136 Bộ luật Hình sự. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật và bảo đảm áp dụng thống nhất Điều 136 trong thực tiễn.

Từ khóa: cố ý gây thương tích, tổn hại sức khỏe, vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, bắt giữ người phạm tội, vượt quá mức cần thiết, Bộ luật Hình sự

Challenges in applying Article 136 of the 2015 Criminal Code and recommendations for legal reform

Abstract:

Article 136 of Vietnam's 2015 Criminal Code, as amended in 2017, establishes criminal liability for intentionally causing bodily injury or harm to another person's health by exceeding the necessary limits when apprehending an offender. However, its practical application remains inconsistent because of differing interpretations of relevant legal concepts. This study employs qualitative methods, including legal analysis, synthesis, comparative analysis, and case studies, to examine difficulties in applying Article 136. The findings reveal inconsistencies in interpreting the term "offender" and in distinguishing the scope of application between Articles 134 and 136 of the Criminal Code. Based on these findings, the study proposes recommendations to clarify the relevant legal concepts, improve the statutory framework, and promote more consistent application of Article 136 in judicial practice.

Keywords: intentional bodily injury, harm to health, exceeding the limits of legitimate defense, apprehension of an offender, exceeding the necessary limits, Criminal Code

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, tội phạm xâm phạm sở hữu, đặc biệt là tội trộm cắp tài sản, chiếm tỷ lệ đáng kể trong cơ cấu tội phạm về trật tự xã hội ở Việt Nam. Theo số liệu của Bộ Công an, năm 2025, tội trộm cắp tài sản chiếm 25,82% tổng số vụ phạm tội về trật tự xã hội, trong khi tội cố ý gây thương tích chiếm 19,23% (Bộ Công an, 2025). Trong thực tiễn, khi phát hiện và truy đuổi người đang thực hiện hành vi phạm tội, người dân có thể phải sử dụng vũ lực để không chế, bắt giữ. Trường hợp vũ lực được sử dụng vượt quá mức cần thiết và gây thương tích cho người bị bắt giữ đặt ra yêu cầu xác định ranh giới giữa quyền bắt giữ người phạm tội và trách nhiệm hình sự của người thực hiện hành vi bắt giữ.

Nhằm bảo đảm sự cân bằng giữa yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm và bảo vệ quyền con người, BLHS năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định tại Điều 136 về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội (Quốc hội, 2015a, 2017). Quy định này là cơ sở pháp lý để phân định hành vi sử dụng vũ lực được pháp luật cho phép với hành vi vượt quá giới hạn phải chịu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, việc xác định thế nào là “người phạm tội”, thế nào là “mức cần thiết” và căn cứ phân biệt Điều 136 với Điều 134 BLHS vẫn có thể phát sinh cách hiểu khác nhau trong thực tiễn áp dụng.

Các nghiên cứu hiện có đã đề cập đến điều kiện gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội, giới hạn sử dụng vũ lực và kỹ năng đánh giá các vụ án có yếu tố phòng vệ chính đáng (Hoàng Hà Bích Diệp, 2024; Phạm Minh Đô, 2024). Tuy nhiên, việc nghiên cứu chuyên biệt Điều 136 BLHS trong mối quan hệ với Điều 24 BLHS và nguyên tắc suy đoán vô tội tại Điều 13 BLTTHS vẫn còn hạn chế. Đặc biệt, cách hiểu khái niệm “người phạm tội” trong trường hợp người bị bắt đang thực hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm nhưng chưa có bản án kết tội có hiệu lực pháp luật là vấn đề cần tiếp tục làm rõ. Đây cũng là vấn đề có ý nghĩa đối với việc lựa chọn áp dụng Điều 134 hay Điều 136 BLHS trong các vụ án phát sinh từ hoạt động bắt giữ người phạm tội quả tang.

Từ những vấn đề trên, bài viết phân tích Điều 136 BLHS trong mối liên hệ với Điều 24 BLHS và các quy định có liên quan của BLTTHS; đồng thời nghiên cứu một vụ án điển hình để nhận diện những vướng mắc trong thực tiễn áp dụng. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số kiến nghị nhằm làm rõ nội hàm của quy định, bảo đảm sự thống nhất giữa pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự khi xử lý trường hợp gây thương tích do vượt quá mức cần thiết trong khi bắt giữ người phạm tội.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, tập trung phân tích các quy định của BLHS năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), BLTTHS năm 2015 và các tài liệu có liên quan. Phương pháp phân tích và tổng hợp được sử dụng để làm rõ nội dung, điều kiện áp dụng Điều 24 và Điều 136 BLHS; phương pháp so sánh được sử dụng để đối chiếu cách sử dụng khái niệm “người phạm tội” trong BLHS với nguyên tắc suy đoán vô tội và quy định về bắt người phạm tội quả tang trong BLTTHS. Bên cạnh đó, nghiên cứu áp dụng phương pháp nghiên cứu tình huống (case study) đối với Bản án số 145/2024/HS-ST của Tòa án Nhân dân thành phố Hải Dương và Bản án số 27/2025/HS-PT của Tòa án Nhân dân tỉnh Hải Dương để đánh giá cách thức áp dụng Điều 136 BLHS trong thực tiễn xét xử (Tòa án Nhân dân thành phố Hải Dương, 2024; Tòa án Nhân dân tỉnh Hải Dương, 2025).

3. Kết quả và thảo luận kết quả nghiên cứu

3.1. Dấu hiệu của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội

Điều 136 Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015 quy định tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội. Trong phạm vi nghiên cứu của bài viết, tác giả tập trung phân tích trường hợp cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội. Đây là trường hợp hành vi gây thiệt hại được thực hiện trong bối cảnh người thực hiện có mục đích bắt giữ người phạm tội, nhưng mức độ sử dụng vũ lực đã vượt ra ngoài giới hạn cần thiết mà pháp luật cho phép. So với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác quy định tại Điều 134 BLHS, Điều 136 có chính sách xử lý nhẹ hơn, thể hiện sự phân hóa trách nhiệm hình sự dựa trên mục đích và hoàn cảnh thực hiện hành vi (Quốc hội, 2015a, 2017).

Về khách thể của tội phạm, hành vi quy định tại Điều 136 xâm phạm quyền được bảo vệ về sức khỏe của con người. Tuy nhiên, điểm đặc thù của tội phạm này là hành vi gây thiệt hại xảy ra trong quá trình thực hiện một hành vi mà về nguyên tắc pháp luật cho phép, đó là bắt giữ người phạm tội. Vì vậy, việc xác định trách nhiệm hình sự không thể chỉ căn cứ vào hậu quả thương tích mà phải đặt hành vi gây thiệt hại trong toàn bộ hoàn cảnh của việc bắt giữ.

Về mặt khách quan, trước hết phải có hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Hành vi này được thể hiện thông qua việc người bắt giữ sử dụng vũ lực tác động lên cơ thể người bị bắt giữ và gây ra thương tích hoặc tổn hại sức khỏe. Theo Điều 136 BLHS, trách nhiệm hình sự được đặt ra khi tỷ lệ tổn thương cơ thể của người bị hại đạt từ 31% trở lên hoặc thuộc các trường hợp khác được điều luật quy định (Quốc hội, 2015a, 2017). Như vậy, hậu quả thương tích là dấu hiệu cần thiết để xác định trách nhiệm hình sự theo Điều 136. Tuy nhiên, mức độ thương tích không phải là căn cứ duy nhất để xác định hành vi có vượt quá mức cần thiết hay không; vấn đề này phải được đánh giá trong mối quan hệ với tính chất và mức độ cần thiết của việc sử dụng vũ lực khi bắt giữ.

Dấu hiệu có ý nghĩa quyết định để phân biệt trường hợp thuộc Điều 136 với hành vi cố ý gây thương tích thông thường tại Điều 134 BLHS là hành vi gây thương tích phải diễn ra trong khi bắt giữ người phạm tội. Điều 24 BLHS quy định, hành vi của người vì để bắt giữ người thực hiện hành vi phạm tội mà không còn cách nào khác buộc phải sử dụng vũ lực cần thiết gây thiệt hại cho người bị bắt giữ thì không phải là tội phạm; trường hợp gây thiệt hại do sử dụng vũ lực rõ ràng vượt quá mức cần thiết thì người gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm hình sự (Quốc hội, 2015a). Quy định này cho thấy pháp luật thừa nhận quyền sử dụng vũ lực trong quá trình bắt giữ, nhưng quyền này chỉ được thực hiện khi không còn cách nào khác và trong mức độ cần thiết để đạt được mục đích bắt giữ.

Từ đó, “vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội” có thể được xem là dấu hiệu trung tâm trong việc xác định trách nhiệm hình sự theo Điều 136. BLHS hiện hành chưa đưa ra tiêu chí cụ thể để định lượng thế nào là “mức cần thiết”. Tuy nhiên, từ Điều 24 BLHS có thể xác định việc sử dụng vũ lực chỉ được pháp luật cho phép trong phạm vi cần thiết nhằm khống chế, ngăn chặn việc bỏ trốn hoặc sự chống trả của người bị bắt giữ. Khi người bắt giữ sử dụng vũ lực có tính chất, cường độ hoặc mức độ gây thiệt hại rõ ràng vượt quá yêu cầu thực tế của việc bắt giữ, hành vi đó không còn thuộc trường hợp loại trừ

trách nhiệm hình sự. Việc đánh giá không nên chỉ dựa vào tỷ lệ thương tích mà cần xem xét tổng thể mức độ chống trả của người bị bắt; tương quan lực lượng giữa các bên; công cụ, phương tiện được sử dụng; khả năng bỏ trốn hoặc tiếp tục gây nguy hiểm; thời gian, địa điểm xảy ra việc bắt giữ và khả năng lựa chọn biện pháp khác ít gây thiệt hại hơn (Phạm Minh Đô, 2024).

Về mặt chủ quan, người thực hiện hành vi nhận thức được việc sử dụng vũ lực có khả năng gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người bị bắt giữ nhưng vẫn thực hiện hành vi. Tuy nhiên, mục đích ban đầu của việc sử dụng vũ lực phải gắn với việc bắt giữ người phạm tội. Đây là yếu tố cần được xem xét khi phân biệt Điều 136 với Điều 134 BLHS. Nếu việc gây thương tích xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân, trả thù hoặc một mục đích khác không gắn với yêu cầu bắt giữ thì không thuộc trường hợp quy định tại Điều 136. Ngược lại, nếu việc sử dụng vũ lực nhằm khống chế, ngăn chặn sự bỏ trốn hoặc đưa người thực hiện hành vi phạm tội đến cơ quan có thẩm quyền nhưng mức vũ lực được sử dụng rõ ràng vượt quá mức cần thiết thì có cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự theo Điều 136.

Về chủ thể, tội phạm được thực hiện bởi người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của BLHS. Chủ thể của tội phạm không nhất thiết phải là người có thẩm quyền tiến hành bắt giữ theo chức trách, nhiệm vụ. Điều 111 BLTTHS cho phép bất kỳ người nào cũng có quyền bắt và giải ngay người phạm tội quả tang đến cơ quan có thẩm quyền (Quốc hội, 2015b). Do đó, cá nhân thực hiện quyền bắt người phạm tội quả tang nhưng sử dụng vũ lực vượt quá mức cần thiết và đáp ứng các dấu hiệu của Điều 136 cũng có thể trở thành chủ thể của tội phạm này.

Như vậy, để xác định hành vi thuộc trường hợp cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội, cần xem xét đồng thời 3 yếu tố có mối quan hệ chặt chẽ: (i) có căn cứ cho việc bắt giữ người đang thực hiện hành vi phạm tội; (ii) việc sử dụng vũ lực nhằm phục vụ trực tiếp cho mục đích bắt giữ; và (iii) mức độ vũ lực được sử dụng rõ ràng vượt quá mức cần thiết và gây thương tích hoặc tổn hại sức khỏe đạt mức luật định. Việc thiếu một trong các yếu tố này có thể dẫn đến việc hành vi phải được đánh giá theo một căn cứ pháp lý khác thay vì Điều 136 BLHS.

3.2. Một số vướng mắc trong quá trình giải quyết vụ án

Trong thực tiễn, việc xác định quyền bắt giữ người phạm tội quả tang trước hết đòi hỏi đánh giá hành vi của người bị bắt có dấu hiệu của tội phạm hay không. Đối với tội trộm cắp tài sản, trách nhiệm hình sự phụ thuộc vào giá trị tài sản và các trường hợp luật định tại Điều 173 BLHS; đồng thời cần tính đến các quy định về các giai đoạn thực hiện tội phạm, trong đó có phạm tội chưa đạt (Quốc hội, 2015a, 2017). Do đó, có thể phát sinh trường hợp một người đã thực hiện hành vi nhằm chiếm đoạt tài sản nhưng chưa chiếm đoạt được do bị phát hiện và bỏ chạy; người dân truy đuổi, sử dụng vũ lực để bắt giữ và gây thương tích cho người đó. Vấn đề pháp lý đặt ra là hành vi gây thương tích trong tình huống này phải được xem xét theo Điều 134 hay Điều 136 BLHS.

Vướng mắc nêu trên được thể hiện trong vụ án được xét xử theo Bản án số 145/2024/HS-ST của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương và Bản án số 27/2025/HS-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Theo nội dung vụ án, D có hành vi cạy mở cửa ô tô với mục đích trộm cắp tài sản. Khi bị H phát hiện và truy hô, D bỏ chạy; H dùng gậy bóng chày bằng kim loại truy đuổi để bắt giữ và đã đánh D, gây tổn thương cơ thể 59%. Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát truy tố H về tội cố ý gây thương tích theo Điều 134 BLHS.

Tuy nhiên, Tòa án xác định hành vi của H phát sinh trong quá trình truy bắt D để giao cho cơ quan công an và tuyên H phạm tội cố ý gây thương tích do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội theo Điều 136 BLHS, với hình phạt 36 tháng cải tạo không giam giữ (Tòa án Nhân dân thành phố Hải Dương, 2024; Tòa án Nhân dân tỉnh Hải Dương, 2025).

Từ diễn biến vụ án có thể thấy điểm mấu chốt nằm ở việc đánh giá hành vi của D tại thời điểm bị truy bắt. D chưa chiếm đoạt được tài sản, nhưng việc không thực hiện được đến cùng xuất phát từ nguyên nhân ngoài ý muốn do bị phát hiện. Trên cơ sở các quy định về phạm tội chưa đạt, Tòa án xác định D đang thực hiện hành vi phạm tội; việc H truy đuổi nhằm bắt giữ D để giao cho cơ quan công an vì vậy thuộc bối cảnh bắt giữ người phạm tội. Tuy nhiên, mức độ vũ lực mà H sử dụng được xác định là vượt quá mức cần thiết nên làm phát sinh trách nhiệm hình sự theo Điều 136 BLHS (Quốc hội, 2015a; Tòa án Nhân dân thành phố Hải Dương, 2024; Tòa án Nhân dân tỉnh Hải Dương, 2025). Cách giải quyết này đồng thời cho thấy mục đích của người sử dụng vũ lực và hoàn cảnh phát sinh hành vi là những yếu tố cần được xem xét khi phân biệt Điều 134 với Điều 136 BLHS.

Vụ án cho thấy sự khác biệt trong quan điểm pháp lý giữa cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án về việc lựa chọn tội danh. Sự khác biệt này gắn trực tiếp với cách xác định tư cách của người bị truy bắt khi hành vi chiếm đoạt tài sản chưa hoàn thành. Nếu khái niệm “người phạm tội” trong Điều 24 và Điều 136 BLHS không được giải thích thống nhất, việc áp dụng pháp luật có thể phụ thuộc đáng kể vào cách đánh giá của từng cơ quan tiến hành tố tụng. Đây là cơ sở thực tiễn cho thấy, cần có hướng dẫn cụ thể hơn về phạm vi áp dụng Điều 136 BLHS đối với trường hợp người bị bắt đang ở giai đoạn phạm tội chưa đạt.

3.3. Kiến nghị

Từ những vướng mắc về lý luận và thực tiễn nêu trên, bài viết đề xuất một số kiến nghị.

Thứ nhất, cần có hướng dẫn thống nhất về khái niệm “người phạm tội” trong Điều 24 và Điều 136 BLHS theo hướng bao gồm người đang thực hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm thuộc trường hợp pháp luật cho phép bắt giữ, kể cả khi tội phạm đang ở giai đoạn chưa đạt. Cách giải thích này cần được đặt trong mối quan hệ với Điều 111 BLTTHS và không đồng nhất việc xác định căn cứ bắt giữ với việc xác định một người “có tội” theo bản án có hiệu lực pháp luật.

Thứ hai, cần hướng dẫn rõ các tiêu chí phân biệt Điều 134 và Điều 136 BLHS. Bên cạnh hậu quả thương tích, cơ quan tiến hành tố tụng cần đánh giá mục đích sử dụng vũ lực, diễn biến của việc truy đuổi, bắt giữ, mức độ chống trả, tương quan lực lượng, công cụ được sử dụng và khả năng lựa chọn biện pháp khác ít gây thiệt hại hơn. Trường hợp hành vi gây thương tích phát sinh trực tiếp từ mục đích khống chế, bắt giữ người đang thực hiện hành vi phạm tội để giao cho cơ quan có thẩm quyền thì trước hết phải được xem xét trong phạm vi Điều 136 BLHS; việc xác định trách nhiệm hình sự phải căn cứ vào mức độ cần thiết của vũ lực trong hoàn cảnh cụ thể (Phạm Minh Đô, 2024).

Thứ ba, cần có hướng dẫn cụ thể về việc áp dụng Điều 136 BLHS đối với các trường hợp bắt người phạm tội quả tang theo Điều 111 và bắt người đang bị truy nã theo Điều 112 BLTTHS (Quốc hội, 2015b). Đối với trường hợp người bị bắt đang ở giai đoạn phạm tội chưa đạt, hướng dẫn cần làm rõ căn cứ để cơ quan tiến hành tố tụng đánh giá hành vi khách quan của người bị bắt tại thời điểm xảy ra sự việc mà không làm thay đổi nội dung của nguyên tắc suy đoán vô tội. Việc hoàn thiện theo hướng này sẽ góp phần hạn chế cách hiểu khác nhau và nâng cao tính thống nhất trong áp dụng pháp luật.

4. Kết luận

Điều 136 BLHS năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) có ý nghĩa trong việc cân bằng giữa yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm và bảo vệ quyền về tính mạng, sức khỏe của người bị bắt giữ. Tuy nhiên, việc áp dụng điều luật này còn đặt ra những vấn đề cần làm rõ, đặc biệt là cách hiểu khái niệm “người phạm tội”, việc xử lý trường hợp người bị bắt đang ở giai đoạn phạm tội chưa đạt và căn cứ phân biệt Điều 134 với Điều 136 BLHS.

Qua phân tích quy định của BLHS, BLTTHS và vụ án điển hình, bài viết cho thấy sự thiếu rõ ràng trong cách hiểu các khái niệm và điều kiện áp dụng có thể dẫn đến quan điểm xử lý khác nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Vì vậy, cần sớm có hướng dẫn thống nhất về phạm vi của khái niệm “người phạm tội”, tiêu chí đánh giá mức vũ lực cần thiết và căn cứ phân biệt Điều 134 với Điều 136 BLHS. Những hướng dẫn này sẽ góp phần bảo đảm tính thống nhất trong áp dụng pháp luật, đồng thời bảo vệ hợp lý quyền của người tham gia bắt giữ người phạm tội và quyền, lợi ích hợp pháp của người bị bắt giữ ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Bộ Công an. (2025). Số liệu về công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm năm 2025. Bộ Công an. <https://www.bocongan.gov.vn/bai-viet/so-lieu-ve-cong-tac-dau-tranh-phong-chong-toi-pham-nam-2025-1774611621>.

Hoàng Hà Bích Diệp. (2024). Kỹ năng kiểm sát các vụ án, vụ việc hình sự có yếu tố phòng vệ chính đáng. Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Hà Nội. <https://vkshanoi.gov.vn/Tin-t%E1%BB%A9c/Di%E1%BB%85n-%C4%91%C3%A0n-nghi%E1%BB%87p-v%E1%BB%A5/ky-nang-kiem-sat-cac-vu-an-vu-viec-hinh-su-co-yeu-to-phong-ve-chinh-dang>.

Phạm Minh Đô. (2024). Bàn về trường hợp gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội trong Bộ luật Hình sự. Tạp chí Luật sư Việt Nam. <https://lsvn.vn/ban-ve-truong-hop-gay-thiet-hai-trong-khi-bat-giu-nguoi-pham-toi-trong-bo-luat-hinh-su-2015-1713284607-a142839.html>.

Quốc hội. (2015a). Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27/11/2015.

Quốc hội. (2015b). Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 ngày 27/11/2015.

Quốc hội. (2017). Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13.

Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương. (2024). Bản án hình sự sơ thẩm số 145/2024/HS-ST ngày 29/9/2024.

Tòa án Nhân dân tỉnh Hải Dương. (2025). Bản án hình sự phúc thẩm số 27/2025/HS-PT ngày 10/3/2025.

Tòa án Nhân dân tối cao. (2025). Tra cứu bản án, quyết định. <https://congbobanan.toaan.gov.vn/3ta1773353t1cvn/>.